

Số: 3842/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách học sinh phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ bán trú năm học 2022 – 2023 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh "Phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế- xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng- an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3447/SGDDT-KHTC ngày 30/11/2022; ý kiến đồng ý của các thành viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Văn bản bản số 6647/VP.UBND-GD ngày 19/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học sinh bán trú năm học 2022 - 2023 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020, gồm:

1. Học sinh hưởng chính sách hỗ trợ bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016: 893 học sinh (Chi tiết theo Phụ lục 01).

2.. Học sinh hưởng chính sách hỗ trợ bán trú theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020: Phê duyệt 1.297 học sinh (*Chi tiết theo Phụ lục 02*).

Điều 2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị:

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn theo thẩm quyền quản lý chịu trách nhiệm toàn diện về danh sách học sinh, đối tượng, điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học sinh bán trú trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3447/SGDĐT-KHTC ngày 30/11/2022; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện vướng mắc, khó khăn, hạn chế, tồn tại (nếu có) để đề xuất hoặc chủ động xử lý theo thẩm quyền.

Các cơ sở giáo dục có học sinh trong danh sách tại Điều 1 Quyết định này thực hiện công khai kết quả phê duyệt và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo)
- CT, P3 UBND tỉnh;
- V0, V3, TM3, GD;
- Lưu: VT, GD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hạnh

14. Trường THPT Hoàng Bồ								
1	Phạm Linh Nhi	10A3	Thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm	11	Kinh		x	9
2	Lý Tuấn Vũ	10A4	Thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm	11	Dao		x	9
3	Phạm Văn Đông	10A4	Thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm	10	Kinh		x	9
4	Trần Như Quỳnh	10A4	Đồng Quặng - Đồng Lâm	16	Kinh		x	9
5	Lý Thị Hạnh	10A6	Đồng Quặng - Đồng Lâm	15	Dao		x	9
6	Triệu Kim Cương	10A7	Đồng Quặng - Đồng Lâm	16	Dao		x	9
7	Triệu Yên Chi	11A1	Thôn Đèo Độc xã Đồng Lâm	15	Dao		x	9
8	Triệu Chí Kiên	11A1	Thác Cát - Hòa Bình - TP Hạ Long	30	Dao		x	9
9	Lý Văn Liên	11A1	Đồng Quặng - Đồng Lâm - TP Hạ Long	16	Dao		x	9
10	Triệu Tư Cẩm	11A1	Đèo Độc - Đồng Lâm - TP Hạ Long	15	Dao		x	9
11	Lý Thị Lan Nhi	12A1	Đèo Độc - Đồng Lâm - TP Hạ Long	15	Dao		x	9
12	Lý Sinh Vũ	12A2	Thôn Phú Liễn - xã Đồng Sơn	39	Dao		x	9
13	Lý Văn Hiến	12A2	Thôn Cài - Đồng Lâm - TP Hạ Long	18	Dao		x	9
14	Đặng Văn Trường	12A4	Thôn Cài - Đồng Lâm - TP Hạ Long	18	Dao		x	9
15	Triệu Vi Thảo	12A6	Thôn Đồng Lá - Xã Hòa Bình	25	Dao		x	9
16	Bàn Trần Phi Yến	12A6	Đèo Độc - Đồng Lâm	15	Dao		x	9
Cộng: 16 học sinh								
15. Trường THPT Mông Dương								
1	Từ Đức Hải	10A3	Xóm 3, thôn Hà Tranh, xã Cộng Hòa	16	Sán diu		x	9
2	Lý Khánh Duy	10A3	Xóm 4, thôn Khe, xã Cộng Hòa	15	Dao		x	9
3	Hoàng Thanh Tùng	10A3	Xóm 3, thôn Ngoài, xã Cộng Hòa	20	Tày		x	9
4	Tô Thị Ánh	10A4	Xóm 3, thôn Ngoài, xã Cộng Hòa	16	Sán diu		x	9
5	Hà Minh Chiến	10A4	Xóm 1, thôn Hà Tranh, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
6	Từ Hải Huân	10A4	Xóm 2, thôn Đồng Cối, Xã Cộng Hòa	16	Sán diu		x	9
7	Vi Bảo Hưng	10A4	Xóm 3, thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Tày		x	9
8	Tô Quốc Khánh	10A4	Xóm 1, thôn Đồng Cối, Xã Cộng Hòa	16	Kinh		x	9
9	Voòng Văn Minh	10A4	Xóm 3, thôn Hà Tranh, xã Cộng Hòa	20	Hoa		x	9
10	Tô Văn Nam	10A4	Xóm 3, thôn Ngoài, xã Cộng Hòa	16	Sán diu		x	9
11	Lý Văn Thắng	10A4	Xóm 1, thôn Cài Tân, Xã Cộng Hòa	18	Dao		x	9
12	Hà Đức Thắng	10A4	Xóm 2, thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
13	Ban Tuấn Anh	10A5	Xóm 1, thôn 3, xã Cẩm Hải	10	Cao Lan		x	9
14	Lê Quốc Cường	10A5	Xóm 3, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9

15	Hà Trọng Thúc	10A5	Xóm 2, Thôn Giữa, Xã Công Hòa	13	Kinh		x	9
16	Vũ Mạnh Cường	10A5	Xóm 2, thôn Lạch Cát, xã Công Hòa	20	Kinh		x	9
17	Hoàng Tuấn Anh	10A5	Xóm 2, thôn 4, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
18	Hà Thị Hải Yến	10A5	Xóm 2, thôn 1, xã Cẩm Hải	13	Tây		x	9
19	Bùi Văn Thông	10A5	Xóm 2, thôn 4, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
20	Bùi Tuấn Anh	10A5	Xóm 2, thôn 4, xã Cẩm Hải	14	Kinh		x	9
21	Triệu Nhật Lệ	10A5	Xóm 1, thôn Hà Loan, xã Công Hòa	22	Kinh		x	9
22	Nguyễn Mỹ Duyên	10A5	Xóm 3, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
23	Nguyễn Thanh Trúc	10A5	Xóm 3, thôn 5, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
24	Nguyễn Thị Thu Trang	10A5	Xóm 3, thôn Khe, xã Công Hòa	22	Kinh		x	9
25	Khổng Trung Kiên	10A5	Xóm 2, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
26	Điệp Thị Lương	10A5	Xóm 2, thôn Hà Tranh, xã Công Hòa	22	Sản đù		x	9
27	Hoàng Thị Trang Nhung	10A5	Xóm 1, thôn Lạch Cát, xã Công Hòa	20	Sản đù		x	9
28	Bùi Khánh Hồng	10A5	Xóm 2, thôn 4, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
29	Nguyễn Tuấn Đạt	10A5	Xóm 3, thôn 2, xã Cẩm Hải	14	Kinh		x	9
30	Vì Phương Thảo	10A5	Xóm 2, thôn 1, xã Cẩm Hải	13	Tây		x	9
31	Hà Mạnh Trường	10A5	Xóm 1, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
32	Khổng Thu Thảo	10A5	Xóm 3, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
33	Hoàng Thị Mai Phương	10A5	Xóm 2, thôn Khe, xã Công Hòa	22	Tây		x	9
34	Nguyễn Thế Dũng	10A5	Xóm 3, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
35	Hoàng Văn Trường	10A5	Xóm 1, thôn Khe, Công Hòa	13	Kinh		x	9
36	Vũ Hồng Sơn	10A5	Xóm 1, thôn 5, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
37	Bùi Hoàng Gia Huy	10A5	Xóm 2, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
38	Nguyễn Quang Anh	10A5	Xóm 2, thôn 2, xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
39	Nông Văn Hùng	10A5	Xóm 1, thôn 3, xã Cẩm Hải	13	Tây		x	9
40	Trương Thế Hưng	10A5	Xóm 1, thôn 3, xã Cẩm Hải	10	Tây		x	9
41	Khổng Hoàng Anh	11A5	Xóm 2, thôn 5, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
42	Phạm Việt Anh	11A5	Xóm 1, thôn 1, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
43	Dương Thị Anh	11A5	Xóm 1, thôn Ngoại, Xã Công Hòa	17	Kinh		x	9
44	Lê Ngọc Anh	11A5	Xóm 2, thôn 5, Xã Cẩm Hải	17	Kinh		x	9
45	Trần Tuấn Dũng	11A5	Xóm 1, thôn 2, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
46	Từ Đức Duy	11A5	Xóm 3, thôn Hà Tranh, Xã Công Hòa	15	Sản đù		x	9
47	Bùi Thị Thanh Hà	11A5	Xóm 1, thôn 3, Xã Cẩm Hải	14	Kinh		x	9
48	Lý Văn Hiệp	11A5	Xóm 1, thôn Cái Tân, Xã Công Hòa	20	Dao		x	9

49	Hoàng Trung Hiếu	11A5	Xóm 2, thôn Ngoài, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
50	Hoàng Việt Trung	11A5	Xóm 3, thôn Hà Tranh, Xã Cộng Hòa	20	Sán đùu		x	9
51	Siêu Văn Hùng	11A5	Xóm 4, Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Sán đùu		x	9
52	Trương Văn Khai	11A5	Xóm 2, thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	20	Sán đùu		x	9
53	Hàng Gia Kiệt	11A5	Xóm 1, thôn 1, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
54	Nguyễn Thanh Lan	11A5	Xóm 2, thôn 1, Xã Cẩm Hải	15	Kinh		x	9
55	Hà Thị Liên	11A5	Xóm 2, thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
56	Đỗ Nhất Long	11A5	Xóm 2, thôn 5, Xã Cẩm Hải	17	Kinh		x	9
57	Khổng Hoàng Nam	11A5	Xóm 1, thôn 4, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
58	Tạ Thị Nhân	11A5	Xóm 2, thôn 3, Xã Cẩm Hải	15	Kinh		x	9
59	Hoàng Minh Quân	11A5	Xóm 1, thôn Hà Tranh, Xã Cộng Hòa	16	Sán đùu		x	9
60	Đặng Xuân Quyết	11A5	Xóm 1, thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	22	Kinh		x	9
61	Hoàng Đình Quyết	11A5	Xóm 3, thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	20	Tây		x	9
62	Lương Thị Như Quỳnh	11A5	Xóm 2, thôn 1, Xã Cẩm Hải	17	Kinh		x	9
63	Nông Văn Thịnh	11A5	Xóm 1, thôn 3, Xã Cẩm Hải	10	Tây		x	9
64	Nguyễn Tiến Thọ	11A5	Xóm 2, thôn 1, Xã Cẩm Hải	11	Kinh		x	9
65	Nguyễn Thị Minh Thư	11A5	Xóm 2, thôn 5, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
66	Phạm Thị Anh Thư	11A5	Xóm 1, thôn 2, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
67	Tô Thị Kiều Trang	11A5	Xóm 2, thôn Cải Tâm, Xã Cộng Hòa	20	Tây		x	9
68	Ngô Thị Hồng Vân	11A5	Xóm 1, thôn Đông Cói, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
69	Võòng Kim Vân	11A5	Xóm 3, thôn Hà Tranh, Xã Cộng Hòa	20	Hoa		x	9
70	Phạm Hà Ly	12A3	Thôn Cải Tân, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
71	Hà Thị Hồng Nhung	12A3	Thôn 2, Cẩm Hải	12	Kinh		x	9
72	Nguyễn Mạnh Cường	12A5	Xóm 1, Thôn 5, Xã Cẩm Hải	13	Kinh		x	9
73	La Văn Dũng	12A5	Xóm 2, Thôn Lạch Cát, Xã Cộng Hòa	18	Thổ		x	9
74	Phạm Mạnh Dũng	12A5	Xóm 1, Thôn 1, Xã Cẩm Hải	11	Kinh		x	9
75	Hà Phúc Duy	12A5	Xóm 2, Thôn Giữa, Xã Cộng Hòa	15	Kinh		x	9
76	Lê Văn Duy	12A5	Xóm 1, Thôn Lạch Cát, Xã Cộng Hòa	18	Kinh		x	9
77	Hà Thị Thủy Linh	12A5	Xóm 2, Thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Tây		x	9
78	Hoàng Diệu Linh	12A5	Xóm 1, Xã Cộng Hòa	20	Kinh		x	9
79	Nguyễn Thị Khánh Linh	12A5	Xóm 1, Thôn 1, Xã Cẩm Hải	11	Kinh		x	9
80	Triệu Diệu Linh	12A5	Xóm 1, Thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	18	Kinh		x	9
81	Đỗ Đức Lộc	12A5	Xóm 03, Thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Kinh		x	9
82	Tạ Thị Hồng Nhung	12A5	Xóm 2, Thôn 3, Xã Cẩm Hải	15	Kinh		x	9

83	Hà Minh Quyết	12A5	Xóm 1, Thôn ngoài, Xã Cộng Hòa	18	Kinh		x	9
84	Hà Quang Sơn	12A5	Xóm 2, Thôn ngoài, Xã Cộng Hòa	15	Kinh		x	9
85	Trần Trung Thành	12A5	Xóm 1, thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Kinh		x	9
86	Bùi Thị Thanh Thảo	12A5	Xóm 2, Thôn 5, Xã Cẩm Hải	15	Kinh		x	9
87	Điệp Văn Tiếp	12A5	Xóm 1, Thôn Hà Tranh, Xã Cộng Hòa	15	Sán đùu		x	9
88	Hà Thị Trang	12A5	Xóm 2, Thôn Giữa, Xã Cộng Hòa	16	Kinh		x	9
89	Hoàng Anh Tú	12A5	Xóm 2, Thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Tây		x	9
90	Điệp Thị Hà Vân	12A5	Xóm 2, Thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	19	Sán đùu		x	9
91	Lý Chi Việt	12A5	Xóm, Thôn 1, Xã Cẩm Hải	11	Kinh		x	9
92	Bùi Hà Vy	12A5	Xóm 2, Thôn 2, Xã Cẩm Hải	12	Kinh		x	9
93	Trương Thị Yên	12A5	Xóm 2, Thôn Hà Loan, Xã Cộng Hòa	19	Sán đùu		x	9
94	Vương Thị Hải Yến	12A5	Xóm 2, Thôn 1, Xã Cẩm Hải	11	Kinh		x	9
95	Bùi Hữu Hiếu	12A5	Xóm 4, Thôn Cầu Trắng, Xã Cộng Hòa	15	Kinh		x	9

Cộng: 95 học sinh

16. Trường THPT Quảng Hà

1	Lý Thị Cứu	12A8	Thôn 6 - Quảng Phong	11	Dao		x	9
2	Trương Văn Giảng	12A8	Thôn 6 - Quảng Phong	15	Dao		x	9
3	Chu Văn Thường	12A8	Thôn Cải Chiên - Cải Chiên	15	Kinh	x		9
4	Phạm Hà Vy	12A8	Thôn 7 - Quảng Phong	16	Kinh		x	9
5	Chu Phương Thảo	12A7	Thôn Đầu Rồng - Cải Chiên	16	Kinh	x		9
6	Hoàng Văn Hà	12A5	Thôn Vạn Cà - Cải Chiên	16	Kinh		x	9
7	Lê Minh Thư	12A5	Thôn Đầu Rồng - Cải Chiên	16	Kinh		x	9
8	Trần Ngọc Tiến	12A4	Thôn Cải Chiên - Cải Chiên	15	Kinh	x		9
9	Hoàng Trung Kiên	12A3	Thôn Cải Chiên - Cải Chiên	15	Kinh		x	9
10	Đỗ Thị Ngọc Hà	12A3	Khẩu Phẫu - Quảng Đức	15	Kinh		x	9
11	Nguyễn Như Phương Anh	12A3	Khẩu Phẫu - Quảng Đức	15	Kinh		x	9
12	Hoàng Thị Chiêm	12A3	Thôn Cải Đức - Quảng Phong	10	Kinh		x	9
13	Phạm Lan Phương	11A8	Thôn Vạn Cà - Cải Chiên	16	Kinh		x	9
14	Ngô Thị Minh	11A8	Thôn Cải Đức - Quảng Phong	10	Kinh		x	9
15	Lương Thị Hà	11A8	Thôn Đầu Rồng - Cải Chiên	16	Kinh		x	9
16	Phạm Thị Lệ Quyên	11A7	Thôn Vạn Cà - Cải Chiên	16	Kinh	x		9
17	Chu Việt Quang	11A7	Thôn Đầu Rồng - Cải Chiên	16	Kinh		x	9
18	Trần Đức Thịnh	11A5	Thôn 4 - Quảng Sơn	14	Kinh		x	9
19	Đặng Lệ Quyên	11A5	Thôn Đầu Rồng - Cải Chiên	16	Kinh	x		9